**Biểu A-SPĐP**08/2015/TT-BKHCN

**THUYẾT MINH NHIỆM VỤ**

**HỢP TÁC NGHIÊN CỨU SONG PHƯƠNG VÀ ĐA PHƯƠNG**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. THÔNG TIN CHUNG** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **1.** | **Tên nhiệm vụ** *(bằng tiếng Việt và tiếng Anh)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **2.** | **Thuộc Chương trình** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  | *(Nêu tên Chương trình và mã số)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **3.** | **Thời gian thực hiện** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| …. Tháng  Từ …/… đến …/… | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **4.** | **Kinh phí thực hiện** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| Tổng kinh phí thực hiện: ……………………… triệu đồng, trong đó:  **-** Ngân sách sự nghiệp khoa học:  **-** Nguồn tự có:  **-** Nguồn vốn khác: | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **5.** | **Lĩnh vực khoa học và công nghệ hợp tác nghiên cứu** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **6.** | **Tổ chức chủ trì nhiệm vụ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| Tên tổ chức chủ trì: …………………………………………………………..  Điện thoại: ……………………Fax: ………..E-mail: ……………………….  Họ và tên thủ trưởng tổ chức chủ trì:…………………………..  Mã số ngân sách: ……………………………. | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **7.** | **Chủ nhiệm nhiệm vụ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| Họ và tên:.......................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ................................................... Nam/Nữ: .........  Học hàm, học vị, chuyên môn:............................................  Chức danh nghiên cứu khoa học: ...............................Chức vụ:........................  Điện thoại: Cơ quan: ..................... Nhà riêng: ............Mobile: ...............  Fax: ................................... E-mail: ............................................ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **8** | **Tổ chức trong nước phối hợp thực hiện nhiệm vụ (nếu có)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| Tên tổ chức: ............................................  Điện thoại: ......................................... Fax: ...........................................  E-mail: ............................................  Địa chỉ: ............................................ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **9** | **Tổ chức nước ngoài phối hợp thực hiện nhiệm vụ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| Tên tổ chức: ............................................  Điện thoại: ......................................... Fax: ............................................  E-mail: ............................................  Địa chỉ: ......................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **10** | **Cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ***(Lý lịch khoa học của các thành viên gửi kèm theo Thuyết minh).* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **TT** | **Họ và tên, học hàm, học vị** | | | | **Cơ quan công tác** | | | | | | | **Nội dung tham gia** | | | | | | | **Thời gian tham gia thực hiện** | | | |  |  |  |  |
| 1 |  | | | |  | | | | | | |  | | | | | | |  | | | |  |  |  |  |
| 2 |  | | | |  | | | | | | |  | | | | | | |  | | | |  |  |  |  |
| 3 |  | | | |  | | | | | | |  | | | | | | |  | | | |  |  |  |  |
| … |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **11** | **Mục tiêu** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **12** | **Căn cứ đề xuất xây dựng Thuyết minh nhiệm vụ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  | *a) Làm rõ căn cứ đề xuất việc hợp tác nghiên cứu (từ văn bản hợp tác nghiên cứu với đối tác nước ngoài; kết quả của các hợp tác nghiên cứu trước đây; chương trình/dự án quốc tế...)*  *b) Làm rõ quá trình phối hợp giữa tổ chức chủ trì nhiệm vụ và tổ chức nước ngoài trong việc xây dựng Thuyết minh nhiệm vụ (quá trình trao đổi thông tin; khảo sát, tìm hiểu năng lực của đối tác; chuyển giao các kết quả nghiên cứu...).* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **13** | **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về nội dung nghiên cứu** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| 13.1 | Tổng quan tình hình trong nước | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  | *a) Phân tích, đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước về vấn đề cần hợp tác nghiên cứu trong 05 năm gần nhất, trong đó nêu rõ một số kết quả nổi bật đã đạt được.*  *b) Làm rõ một số khó khăn trong nước đối với việc triển khai vấn đề cần hợp tác nghiên cứu (phương pháp nghiên cứu; bí quyết công nghệ; trang thiết bị phục vụ phân tích mẫu; thực hiện các hoạt động nghiên cứu phức tạp; nguồn nhân lực ...).*  *c) Luận giải sự cần thiết phải phối hợp với tổ chức nước ngoài để hợp tác nghiên cứu.* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| 13.2 | Xu hướng quốc tế và năng lực của tổ chức nước ngoài phối hợp thực hiện nhiệm vụ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  | *a) Phân tích, đánh giá xu hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của quốc tế đối với về vấn đề cần hợp tác nghiên cứu.*  *b) Làm rõ năng lực của tổ chức nước ngoài phối hợp thực hiện nhiệm vụ, trong đó: nêu rõ một sốkết quả nổi bật đã đạt được (trong 05 năm gần nhất) liên quan đến vấn đề cần hợp tác nghiên cứu; kinh nghiệm, thế mạnh của tổ chức nước ngoài để giải quyết vấn đề cần hợp tác nghiên cứu (phương pháp nghiên cứu; bí quyết công nghệ; trang thiết bị phục vụ phân tích mẫu; thực hiện các hoạt động nghiên cứu phức tạp; đào tạo nguồn nhân lực ...).* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| 13.3 | Luận giải về nội dung nghiên cứu | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  | *a) Luận giải nội dung của nhiệm vụ bảo đảm giải quyết được ít nhất một trong các vấn đề chủ yếu sau:*  *- Vấn đề 1: Vấn đề khoa học và công nghệ mang tính chất chiến lược, lâu dài của quốc gia*  *- Vấn đề 2: Vấn đề khoa học và công nghệ trọng tâm, trọng điểm phục vụ trực tiếp Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020, Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020, Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.*  *- Vấn đề 3: Vấn đề khoa học và công nghệ được triển khai trong các chương trình, dự án nghiên cứu quốc tế, các dự án đầu tư khoa học và công nghệ trên thế giới và trong khu vực nhằm tạo bước đột phá, nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ Việt Nam.*    *b) Nêu rõ kết quả (dự kiến) thực hiện nhiệm vụ.*  *c) Giải trình, làm rõ năng lực của tổ chức chủ trì nhiệm vụ.*  *d) Giải trình, làm rõ năng lực của tổ chức nước ngoài phối hợp thực hiện nhiệm vụ.*  *đ) Phân tích phương án phối hợp cụ thể với đối tác nước ngoài trong việc triển khai nhiệm vụ, sử dụng và khai thác kết quả hợp tác nghiên cứu (sử dụng trang thiết bị, nguyên vật liệu, nhân lực để triển khai nhiệm vụ...); làm rõ trách nhiệm và quyền lợi của các bên tham gia; phương án phối hợp trong việc sử dụng và khai thác kết quả hợp tác nghiên cứu.*  *e) Đánh giá khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả hợp tác nghiên cứu:*  *- Phương thức ứng dụng, chuyển giao kết quả hợp tác nghiên cứu (chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra...).*  *- Khả năng liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để sản xuất kinh doanh sản phẩm sau khi nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu kết thúc.*  *- Tiềm năng thị trường trong và ngoài nước của sản phẩm tạo ra từ nhiệm vụ.* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| 13.4 | **Tiến độ thực hiện** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **TT** | **Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện** | | | | | | | **Kết quả phải đạt** | | | | | | **Thời gian (bắt đầu - kết thúc)** | | | | **Cá nhân, cơ quan thực hiện** | | | | |  |  |  |  |
| **I** | **Nội dung 1:** | | | | | | |  | | | | | |  | | | |  | | | | |  |  |  |  |
| 1 |  | | | | | | |  | | | | | |  | | | |  | | | | |  |  |  |  |
| 2 |  | | | | | | |  | | | | | |  | | | |  | | | | |  |  |  |  |
| 3 |  | | | | | | |  | | | | | |  | | | |  | | | | |  |  |  |  |
| … | … | | | | | | |  | | | | | |  | | | |  | | | | |  |  |  |  |
| **II** | **Nội dung 2.** | | | | | | |  | | | | | |  | | | |  | | | | |  |  |  |  |
| 1 |  | | | | | | |  | | | | | |  | | | |  | | | | |  |  |  |  |
| 2 |  | | | | | | |  | | | | | |  | | | |  | | | | |  |  |  |  |
| 3 |  | | | | | | |  | | | | | |  | | | |  | | | | |  |  |  |  |
| … |  | | | | | | |  | | | | | |  | | | |  | | | | |  |  |  |  |
| **14** | **Giải pháp thực hiện** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  | *Làm rõ một số nội dung sau:*  *a) Giải pháp huy động nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ: Cơ cấunguồnvốn; Kinh phí của đối tác nước ngoài (nếu có); Nguyên tắc huy động nguồnvốn; tiến độ huy động nguồnvốn.*  *b) Giải pháp phân kỳ triển khai nhiệm vụ (giải trình các giai đoạn triển khai cụ thể, có tính khả thi cao); huy động nhân lực tham gia nhiệm vụ (kế hoạch huy động và phát triển nguồn nhân lực tham gia nhiệm vụ).*  *c) Giải pháp thông tin tuyên truyền; hợp tác quốc tế.*  *d) Phương thức sản xuất kinh doanh từ công nghệ được chuyển giao trong nhiệm vụ; phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước.* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **III.** | **KẾT QUẢ DỰ KIẾN** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **15** | **Sản phẩm khoa học và công nghệ chính và yêu cầu chất lượng cần đạt** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  | *a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ là công nghệ mới; sản phẩm và dịch vụ khoa học và công nghệ có giá trị gia tăng cao; tổ chức, tập thể nghiên cứu mạnh, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực.*  *b) Một số sản phẩm khác (nếu có):*  *- Dạng 1: Mẫu; sản phẩm (là hàng hóa có thể tiêu thụ trên thị trường); vật liệu; thiết bị; máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi; các loại khác.*  *- Dạng 2: Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình, ...); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi; và các sản phẩm khác.*  *- Dạng 3: Bài báo; sách chuyên khảo.*  *- Dạng 4: Đào tạo/trao đổi cán bộ, chuyên gia.* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **Dạng 1:** Mẫu; sản phẩm*(là hàng hóa có thể tiêu thụ trên thị trường);* vật liệu; thiết bị; máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi; các loại khác | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **TT** | **Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm** | | | | | **Đơn vị đo** | | | **Mức chất lượng** | | | | | | | | | | | **Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra** | | |  |  |  |  |
| **Cần đạt** | | | | **Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)** | | | | | | |  | | |  |  |  |  |
| **Trong nước** | | | **Thế giới** | | | |  | | |  |  |  |  |
| i | ii | | | | | iii | | | iv | | | | v | | | vi | | | | vii | | |  |  |  |  |
| 1 |  | | | | |  | | |  | | | |  | | |  | | | |  | | |  |  |  |  |
| … | … | | | | |  | | |  | | | |  | | |  | | | |  | | |  |  |  |  |
| **Dạng 2:** Nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (*phương pháp, quy trình, mô hình, ...*); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi; và các sản phẩm khác | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | | | | | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | | | | | | | | | **Ghi chú** | | | | | | |  |  |  |  |
| i | ii | | | | | iii | | | | | | | | | | iv | | | | | | |  |  |  |  |
| 1 |  | | | | |  | | | | | | | | | |  | | | | | | |  |  |  |  |
| 2 |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| … | … | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **Dạng 3:** Bài báo; sách chuyên khảo | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | | **Số lượng** | | | | | | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | | | | **Dự kiến nơi công bố***(Tạp chí, nhà xuất bản)* | | | | | | | **Ghi chú** | |  |  |  |  |
| i | ii | | iii | | | | | | iv | | | | | v | | | | | | | vi | |  |  |  |  |
| 1 |  | |  | | | | | |  | | | | |  | | | | | | |  | |  |  |  |  |
| 2 |  | |  | | | | | |  | | | | |  | | | | | | |  | |  |  |  |  |
| … | … | |  | | | | | |  | | | | |  | | | | | | |  | |  |  |  |  |
| **Dạng 4:** Đào tạo/trao đổi cán bộ, chuyên gia | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **TT** | **Cán bộ, chuyên gia** | | | **Thời gian** | | | | | | | **Nội dung** | | | | | | **Ghi chú** | | | | | |  |  |  |  |
| i | ii | | | iii | | | | | | | iv | | | | | | v | | | | | |  |  |  |  |
| 1 |  | | |  | | | | | | |  | | | | | |  | | | | | |  |  |  |  |
| 2 |  | | |  | | | | | | |  | | | | | |  | | | | | |  |  |  |  |
| **16** | **Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (nếu có)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **17** | **Hiệu quả thực hiện nhiệm vụ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  | *- Đánh giá hiệu quả về khoa học và công nghệ.*  *- Đánh giá hiệu quả về kinh tế - xã hội.* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **IV. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN**  *(Dự toán kinh phí nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương được quy định chi tiết tại Phụ lục)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **18** | **Kinh phí thực hiện nhiệm vụ (triệu đồng)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| **TT** | **Nguồn kinh phí** | **Tổng số** | | | | | **Trong đó** | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  |  | **Trả công lao động** | | | **Nguyên vật liệu, năng lượng** | | | | | **Thiết bị, máy móc** | | **Hợp tác quốc tế** | | | | | **Chi khác** |  |  |  |  |
| i | ii | iii | | | | | iv | | | v | | | | | vi | | vii | | | | | viii |  |  |  |  |
| 1 | Ngân sách SNKH |  | | | | |  | | |  | | | | |  | |  | | | | |  |  |  |  |  |
| 2 | Nguồn tự có |  | | | | |  | | |  | | | | |  | |  | | | | |  |  |  |  |  |
| 3 | Nguồn vốn khác |  | | | | |  | | |  | | | | |  | |  | | | | |  |  |  |  |  |
| ***Tổng cộng*** | |  | | | | |  | | |  | | | | |  | |  | | | | |  |  |  |  |  |
| **TT** | **Một số mục chi cụ thể thực hiện nhiệm vụ** | | | | | | | | | | | | | | **Số lượng** | | **Thành tiền** | | | | | |  |  |  |  |
| ***A*** | ***Cụ thể các mục chi mà Việt Nam được thụ hưởng*** | | | | | | | | | | | | | |  | |  | | | | | |  |  |  |  |
| 1 | Đào tạo cán bộ, nghiên cứu sinh, sinh viên Việt Nam | | | | | | | | | | | | | |  | |  | | | | | |  |  |  |  |
| 2 | Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, triển lãm … | | | | | | | | | | | | | |  | |  | | | | | |  |  |  |  |
| 3 | Chi phí đi lại quốc tế cho cán bộ Việt Nam | | | | | | | | | | | | | |  | |  | | | | | |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí phân tích mẫu, trang thiết bị thụ hưởng | | | | | | | | | | | | | |  | |  | | | | | |  |  |  |  |
| 5 | Phần mềm tin học, tài liệu, ấn phẩm KH&CN ... | | | | | | | | | | | | | |  | |  | | | | | |  |  |  |  |
| 6 | Khác | | | | | | | | | | | | | |  | |  | | | | | |  |  |  |  |
| ***Tổng cộng*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
| ***B*** | ***Dự kiến kinh phí của đối tác nước ngoài*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  | - Đối ứng từ Chính phủ: ............................................ USD  - Nguồn tự có của đối tác:............................................ USD  - Nguồn vốn khác: ............................................ USD | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  |  | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngày........tháng.....năm 20.....*  ***Chủ nhiệm nhiệm vụ*** *(Họ tên và chữ ký)* | *Ngày........tháng.....năm 20.....*  ***Tổ chức chủ trì*** *(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)* |
|  |  |
| *Ngày........tháng.....năm 20.....*  ***Bộ Khoa học và Công nghệ*** *(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)* | *Ngày........tháng.....năm 20.....* ***Thủ trưởng Cơ quan chủ quản nhiệm vụ*** *(Họ tên, chữ ký và đóng dấu) hoặc* ***Chủ nhiệm Chương trình*** *(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)* |

# DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN

# *(Theo nội dung chi)*

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  **các khoản chi** | **Tổng số** | | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Kinh phí** | **Tỷ lệ** (%) | **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| **Tổng số** | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ... | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 1 | Công lao động (khoa học, phổ thông) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thuê chuyên gia  **-** Trong nước  **-** Nước ngoài |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Nguyên vật liệu, năng lượng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Thiết bị, máy móc mua mới |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Hợp tác quốc tế |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Điều tra, điền dã, phỏng vấn xã hội học |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Chi khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

***Khoản 1: Công lao động (khoa học, phổ thông)***

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung công việc1** | | **Cán bộ thực hiện** | | **Tổng số người thực hiện** | **Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)**4 | **Số ngày công quy đổi**  **(Snc)**5 | **Tổng kinh phí**  **(Tc)** | | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách**  **SNKH** | | | **Tự có** | | |
|  |  | **Họ tên**2 | **Chức danh**3 |
|  |  | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| 1 | 2 |  |  | 3 | 4 | 5 | 6 | 7=5x6xLcs6 | | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 |
| 1 | Nghiên cứu tổng quan |  |  | Kết quả: Xây dựng thuyết minh, báo cáo tổng quan | | | | | | | | | | | |
|  | 1.1. Công việc 1: |  |  | Thư ký khoa học | 01 | 0,49 | 10 |  | 5,635 | 5,635 |  |  |  |  |  |
| …………….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Đáng giá thực trạng |  |  | Kết quả: báo cáo thực trạng vấn đề nghiên cứu | | | | | | | | | | | |
|  | 2.1. Công việc 1: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ………………………. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. | …………………… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Tổng kết, đánh giá |  |  | Kết quả: báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng hợp | | | | | | | | | | | |
| 7.1. Công việc 1: tổng hợp báo cáo thống kê | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ……… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** | | | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. Dự toán theo 7 nội dung hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và phù hợp với nội dung của đề tài/đề án.

2. Liệt kê tên của Chủ nhiệm dự án, thư ký và các thành viên chính (tương ứng với nội dung thực hiện).

3. Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ KH&CN.

4. Hstcn đươc xác định và tính theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Snc theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ KH&CN.

# 6. Lcs Lương cơ sở do Nhà nước quy định; dự toán tiền công lao đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ KH&CN.

# *Khoản 2: Thuê chuyên gia*

# *Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và tên,  học hàm, học vị | Quốc tịch | Thuộc  tổ chức | Nội dung thực hiện | Thời gian thực hiện quy đổi  (tháng) | Mức lương tháng theo hợp đồng | Kinh phí | | |
| Tổng | Ngân sách nhà nước | Ngoài ngân sách nhà nước |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=6x7 | 9 | 10 |
| I |  |  |  | Chuyên gia trong nước |  |  |  | |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II |  |  |  | Chuyên gia nước ngoài |  |  |  | |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Khoản 3: Nguyên vật liệu, năng lượng***

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | | | | | **Tự có** | **Khác** |
| **Tổng số** | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ nhất | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ hai | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Năm thứ ... | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* |
| 1 |  | Nguyên, vật liệu chủ yếu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Nguyên, vật liệu phụ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***Khoản 4: Thiết bị, máy móc***

**A. Thiết bị hiện có:** *(tính giá trị còn lại) Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| I | **Thiết bị công nghệ** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Thiết bị thử nghiệm, đo lường** |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

**B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị** *Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | | | **Tự có** | **Khác** |
| **Tổng số** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ... |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* |
| 1 |  | Mua thiết bị công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  | Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  | Mua bằng sáng chế, bản quyền |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  | Mua phần mềm máy tính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 |  | Vận chuyển lắp đặt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *6* |  | Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** | | | |  |  |  |  |  |  |  |

*Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ mua nguyên chiếc thiết bị, máy móc.*

***Khoản 5: Hợp tác quốc tế***

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Định mức** | **Thành tiền** | **Nguồnvốn** | | |
| **Ngân sách SNKH** | **Tự có** | **Khác** |
| **1** | **Đoàn ra** | | |  |  |  |  |
| - | Đoàn 1: (Nội dung)+(địa điểm)+(thời gian)+(số người) |  |  |  |  |  |  |
| + | *Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và chi phí liên quan khác* |  |  |  |  |  |  |
| - | Đoàn...: (Nội dung)+(địa điểm)+(thời gian)+(số người) |  |  |  |  |  |  |
| + | *Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và chi phí liên quan khác* |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Đoàn vào** | | |  |  |  |  |
| - | Đoàn 1: (Nội dung)+(địa điểm)+(thời gian)+(số người) |  |  |  |  |  |  |
| + | *Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và chi phí liên quan khác* |  |  |  |  |  |  |
| - | Đoàn...: (Nội dung)+(địa điểm)+(thời gian)+(số người) |  |  |  |  |  |  |
| + | *Chi tiết tiền vé máy bay, tiền ăn ở, đi lại, và chi phí liên quan khác* |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Hội nghị, hội thảo quốc tế** |  |  |  |  |  |  |
| - | Hội thảo 1: (Nội dung)+(địa điểm)+(thời gian)+(số người) |  |  |  |  |  |  |
| + | *Dự toán chi tiết chi phí liên quan đến tổ chức hội nghị, hội thảo* |  |  |  |  |  |  |
| - | Hội thảo ...: (Nội dung)+(địa điểm)+(thời gian)+(số người) |  |  |  |  |  |  |
| + | *Dự toán chi tiết các chi phí có liên quan tổ chức hội nghị, hội thảo* |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** | |  |  |  |  |  |  |

# *Khoản 6: Điều tra, điền dã, phỏng vấn xã hội học*

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Định mức** | **Thành tiền** | **Nguồnvốn** | | |
| **Ngân sách SNKH** | **Tự có** | **Khác** |
| **1** |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |

***Khoản 7: Chi khác***

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Định mức** | **Tổng kinh phí** | **Nguồnvốn** | | | |
| **Ngân sách SNKH** | | **Tự có** | **Khác** |
| **Tổng** | **Khoán chi theo quy định** |  |  |
| **1** | **Công tác phí trong nước** |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Chuyến 1: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người) |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Chuyến 2: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người) |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Hội nghị, hội thảo, tập huấn ngắn hạn trong nước** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Hội thảo 1: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người) |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Hội thảo 2: (Nội dung, địa điểm, thời gian, số người) |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Kinh phí quản lý** |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu cơ sở** |  |  |  |  |  |  |  |
| **5** | **Phụ cấp chủ nhiệm** |  |  |  |  |  |  |  |
| **6** | **Chi khác** |  |  |  |  |  |  |  |
| - | In ấn tài liệu, văn phòng phẩm |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Dịch tài liệu |  |  |  |  |  |  |  |
| - | Khác |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** | | | |  |  |  |  |  |

**Biểu I.1**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên,**  **học hàm, học vị** | **Chức danh**  **thực hiện1** | **Tổ chức công tác** |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |

**DANH SÁCH CÁN BỘ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* |
| **Chủ nhiệm nhiệm vụ**  *(Họ tên và chữ ký)* | **Tổ chức chủ trì nhiệm vụ** *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* |

Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước.

**Biểu I.2**

**PHƯƠNG ÁN THUÊ CHUYÊN GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

**1. Thuê chuyên gia trong nước**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi  (tháng) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| *…* |  |  |  |  |  |

**2. Thuê chuyên gia nước ngoài**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số TT | Họ và tên, học hàm, học vị | Quốc tịch | Thuộc tổ chức | Lĩnh vực chuyên môn | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | Thời gian thực hiện quy đổi  (tháng) |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| *…* |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* |
| **Chủ nhiệm nhiệm vụ**  *(Họ tên và chữ ký)* | **Tổ chức chủ trì nhiệm vụ** *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**Biểu I.3**

**PHƯƠNG ÁN TRANG BỊ VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA NHIỆM VỤ**

**Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ** *(theo quy định tại Thông tư liên tịch của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 1/9/2015 hướng dẫn quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước)*

**1. Phương án trang bị tài sản** *(xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)*

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì nhiệm vụ *(nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b,c,d)*

b. Điều chuyển thiết bị máy móc

c. Thuê thiết bị máy móc

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản** | **Tính năng, thông số kỹ thuật** | **Thời gian thuê** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản** | **Tính năng, thông số kỹ thuật** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |

**2. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện dự án** *(hình thức xử lý)*

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

**3. Phương án xử lý tài sản là vật tư thu được trong quá trình thực hiện dự án** (nếu có)

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* |
| **Chủ nhiệm nhiệm vụ**  *(Họ tên và chữ ký)* | **Tổ chức chủ trì nhiệm vụ** *(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)* |